

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2023
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Ông Triệu Lát

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lý Văn S**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: đường P, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Chị **Châu Thị Tuyết H**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm K, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lý Văn S trình bày:

Vào năm 2015, anh và chị Châu Thị Tuyết H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 30/12/2015. Thời gian đầu, anh và chị H chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2020 thì giữa anh với chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được.

Trong quá trình chung sống, giữa anh với chị H có 01 người con chung tên: Lý Quốc K (giới tính: Nam), sinh ngày 07/8/2020. Hiện cháu K đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay anh nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu Thị Tuyết H.

- Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Lý Quốc K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Đồng thời, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Châu Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, chị thống nhất với lời trình bày của anh Lý Văn S.

Hiện nay tình cảm giữa chị với anh S không còn và không thể hàn gắn được. Cho nên chị đồng ý ly hôn với anh S với điều kiện: khi nào anh S thỏa thuận chia xong tài sản chung cho chị thì chị sẽ đồng ý ly hôn. Trong vụ án này, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa chị với anh S mà để hai người tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự có địa chỉ tại khóm K, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của anh Lý Văn S đối với chị Châu Thị Tuyết H, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của anh S và chị H không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi cưới nhau hai

người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh S với chị H phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh S và chị H hiện không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, chị H trình bày: Giữa chị với anh S tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Đồng thời, tại phiên tòa anh S vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh S được ly hôn với chị H.

[5] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh S và chị H việc việc thống nhất giao cháu Lý Quốc K (giới tính: Nam), sinh ngày 07/8/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho anh S, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh S về việc đồng ý cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất là tự thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Anh Lý Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn S được ly hôn với chị Châu Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Chị Châu Thị Tuyết H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Lý Quốc K (giới tính: Nam), sinh ngày 07/8/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho anh S, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh S về việc đồng ý cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/7/2023) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Lý Văn S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007850, ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, anh S còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND Phường M, thị xã C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua